



**DÙNG SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI BẠN
SẼ TIẾT KIỆM ĐIỆN & NHÂN CÔNG**



► Lưỡi cưa đĩa Hợp kim toàn thân cắt gỗ Alloy Saw Blades for Wood Cutting

Lưỡi cưa đĩa hợp kim toàn thân dùng cho cắt gỗ sản xuất từ thép cacbon 75Cr1 (DIN 1.2003).

Thân lưỡi cưa có độ dày nhỏ hơn 3 mm, độ cứng từ 44 - 48 HRC. Thân lưỡi cưa có độ dày trên 3 mm, độ cứng từ 42 - 46 HRC.

Lưỡi cưa được thẳng, gia lực, mở răng và mài sắc. Tốc độ cắt tối đa là 60m/giây đối với lưỡi cưa độ dày nhỏ và 80 m/giây đối với lưỡi cưa độ dày lớn. Chúng tôi có thể sản xuất theo yêu cầu như thay đổi số răng, cấu trúc hình học của răng, đường kính lỗ trong. Có thể gia công thêm đường kính lỗ trong theo yêu cầu khách hàng, có thể cung cấp long đen kèm theo.

Alloy saw blades for wood cutting are manufactured from carbon steel 75Cr1 (DIN 1.2003). All saw bodies up to 3 mm thickness are hardened to 44 - 48 HRC and bodies over 3 mm thickness to 42 - 46 HRC. Saw blades are delivered straightened, tensioned, set and sharpened. Maximum cutting speed marked on each saw blade refer to circumferential speed 60 m/sec for smaller blade thickness and 80m/sec for bigger blade thickness. It is possible to manufacture any other parameters on request i.e with different tooth number, tooth geometry etc. It is also possible to rebores all the saw blades according to the customer's request and supply a reduction ring together.

5309 - 56 KV5°

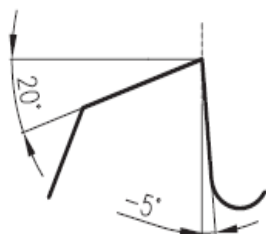


Đặc điểm:

- Lưỡi cưa hợp kim với dạng răng sói.
- Góc uốn cong âm 5°
- Góc mài 75°
- Cắt ngang thớ gỗ mềm và gỗ cứng
- Độ mở răng tối đa đến 1/3 độ dày của đĩa cưa về mỗi phía

Characteristics:

- Alloy saw blade with wolf type of tooth geometry
- Negative hook angle 5°
- Alternating bevelled grinding 75°
- Cutting across the grain of soft and hard wood
- Maximum tooth setting - 1/3 blade thickness of the blade on each side



D	b	d	z	m
200	1,2	25	56	0,25
200	1,6	25	56	0,35
250	1,8	25	56	0,63
300	1,6	30	56	0,84
300	2,0	30	56	1,00
350	2,2	30	56	1,55
400	2,0	30	56	1,85
400	2,5	30	56	2,25
450	2,2	30	56	2,55
450	2,8	30	56	3,20

D	b	d	z	m
500	2,5	30	56	3,54
500	3,0	30	56	4,25
600	2,8	30	56	5,70
600	3,5	30	56	7,10
1100	5,0	50	72	38,00
1200	5,5	50	96	49,70
1300	5,5	50	96	58,40
1400	5,5	50	93	67,70
1500	6,0	50	93	87,80
1600	7,0	50	120	112,50



DÒNG SẢN PHẨM CỦA CHÚNG TÔI BẠN SẼ TIẾT KIỆM ĐIỆN & NHÂN CÔNG



5310 - 56 KV25°

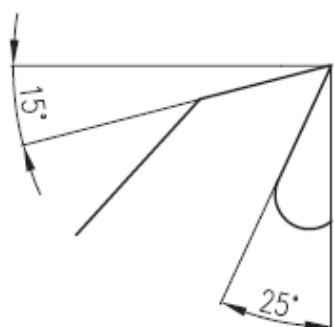


Đặc điểm:

- Lưỡi cưa hợp kim dạng răng sói.
- Góc uốn cong dương 25°
- Cắt ngang và dọc theo thớ gỗ mềm và gỗ cứng
- Độ mở răng tối đa đến 1/3 độ dày của lưỡi cưa về mỗi phía
- Thân cưa được mài xoáy

Characteristics:

- Alloy saw blade with wolf type of tooth geometry
- Positive hook angle 25°
- Cutting across the grain of soft and hard wood
- Maximum tooth setting - 1/3 blade thickness of the blade on each side
- Alloy saw blade with swirling surface



D	b	d	z	m
200	1,2	25	56	0,25
200	1,6	25	56	0,35
250	1,6	25	56	0,55
250	1,9	25	56	0,63
250	2,2	25	56	0,78
300	1,6	30	56	0,84
300	1,8	30	56	0,90
300	2,0	30	56	1,00
300	2,4	30	56	1,22
350	1,8	30	56	1,25
350	2,2	30	56	1,55
350	2,8	30	56	1,94
400	2,0	30	56	1,85
400	2,5	30	56	2,25
400	3,0	30	56	2,71
450	2,0	30	56	2,29
450	2,2	30	56	2,55
450	2,8	30	56	3,20
450	3,5	30	56	4,00

D	b	d	z	m
500	2,2	30	56	3,11
500	2,5	30	56	3,54
500	3,0	30	56	4,25
500	3,5	30	56	4,95
550	2,2	30	56	3,76
550	2,5	30	56	4,30
550	3,0	30	56	5,20
550	3,5	30	56	6,00
600	2,8	30	56	5,70
600	3,5	30	56	7,10
600	4,0	30	56	8,15
700	3,2	35	56	8,90
700	3,5	35	56	9,70
700	4,0	35	56	11,10
800	3,5	40	56	12,70
800	4,0	40	56	14,50
900	4,5	50	56	20,60
1000	5,0	50	56	28,30